

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXX-ST ngày 27/8/2021; Quyết định hoãn **phiên tòa số 16/2021/QĐHPT-TA** ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đăng M**, sinh năm 1987

Đều trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị L và anh M đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đăng M được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 13/8/2010 (nay là xã Đ1). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính tình luôn bất đồng về quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh M còn chơi bời, cờ bạc và có quan hệ nam nữ không đúng mực. Năm 2017, chị đi lao động ở Nhật Bản, từ khi đi làm ăn thì hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Đến đầu năm 2019, anh M gọi điện cho chị yêu cầu chị gửi

đơn về đề giải quyết ly hôn nhưng chị không gửi. Khi hết hạn hợp đồng chị L về nước nhưng chị không chung sống với anh M mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Giữa hai vợ chồng hoàn toàn cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế kể từ năm 2017 đến nay. Nay chị L xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn để giải phóng cho hai bên khỏi giằng buộc.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương Lan, sinh ngày 12/7/2011 và Nguyễn Bảo Châu, sinh ngày 08/01/2015. Hiện chị đang trực tiếp nuôi cháu Lan, còn anh M đang trực tiếp nuôi cháu Châu. Nay quan điểm của chị xin được nuôi cháu Lan, còn cháu Châu chị đề nghị Tòa án giao cho anh M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định quá trình chung sống chị và anh M không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Đăng M, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh M nhiều lần đến trụ sở Tòa án để làm việc, song anh M đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh M được. Tòa án xác minh tại Công an xã Đồng Cẩm được biết hiện anh M đang cư trú và có mặt tại địa phương.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Đăng M và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ của anh M trình bày: Anh M và chị L trước khi cưới có được tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ(nay là xã Đ). Quá trình chung sống do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng nợ lẫn nhiều nên hai bên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ lẫn nhau, năm 2017 chị L đi làm ăn kinh tế để lại con ở nhà cho anh M chăm sóc. Hiện nay chị L đã đưa con lớn về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị L làm đơn ly hôn anh M thì anh M ra Quảng Ninh làm. Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh M, ông M, bà B đều nhận thay và giao trực tiếp cho anh M, song vì công việc nên anh M không đến Tòa án làm việc được. Thông qua ông M và bà B, anh M có quan điểm việc chị L xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và xin được nuôi con chung.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin được nuôi cháu Nguyễn Phương Lan, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng

cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh M; giao cháu Nguyễn Phương Lan, sinh ngày 12/7/2011 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bảo Châu, sinh ngày 18/11/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Anh Nguyễn Đăng M là Bị đơn trong vụ án, được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt. Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng M kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị L thì thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M là do vợ chồng không hợp nhau, cùng với việc kinh tế gia đình khó khăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Tại các lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án đều xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặt khác, tại lời khai của bố mẹ anh M cũng xác định chị L và anh M đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mặc dù anh M không có quan điểm trực tiếp tại Toà án, song thông qua bố mẹ anh M thì quan điểm của Minh về việc chị L xin ly hôn là đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật. Điều đó cho thấy anh M đã bỏ mặc và không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin được ly hôn anh Nguyễn Đăng M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị L và anh M thì thấy: Hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi cháu Lan, anh M trực tiếp nuôi

cháu Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lan có nguyện vọng xin được ở cùng chị L. Hiện tại chị L và anh M đều có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển tốt cho các cháu, cần giao cháu Nguyễn Phương Lan, sinh ngày 12/7/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bảo Châu, sinh ngày 08/01/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Do giao cho chị L và anh M mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh M không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu các bên có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đăng M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương Lan, sinh ngày 12/7/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Bảo Châu, sinh ngày 08/01/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001789 ngày 09 tháng 6 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị L, anh M. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích